

Số : 41/NAG/ 2015.

V/v: Công bố BCTC tổng hợp năm 2015 đã
kiểm toán

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016.

Kính gửi : - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty : **Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam**
2. Mã chứng khoán : **NAG**
3. Địa chỉ trụ sở chính : **Phúc Thắng – Phúc Yên – Vĩnh Phúc**
4. Điện thoại : **02113873568** Fax : **02113548020**
5. Người thực hiện công bố thông tin : **Nguyễn Thị Huyền Thương**
6. Nội dung của thông tin công bố :

Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016, bao gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015 đã kiểm toán.

Nội dung giải trình : Chênh lệch trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2015 đã được kiểm toán theo Công văn số 40/CV-NAG-2016.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.nagakawa.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu Ban QHCD

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM
NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Nguyễn Thị Huyền Thương

(V/v giải trình chênh lệch trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2015 đã được kiểm toán)

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Kính gửi :

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

- Tổ chức niêm yết : Công ty Cổ Phần Nagakawa Việt Nam
- Mã chứng khoán : NAG
- Trụ sở chính : Khu 9, Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc

Căn cứ báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt, nay Công ty xin giải trình số liệu chênh lệch giữa báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2015 trước kiểm toán với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2015 sau kiểm toán như sau :

* Số liệu trên báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp:

STT	Chỉ tiêu	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch tăng/ giảm (+/-)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.010.481.606	10.578.366.438	(-) 432.115.168

Lý do như sau :

- Giảm lợi nhuận do bổ sung hạch toán trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : 792.229.253 đồng
- Giảm lợi nhuận do điều chỉnh tăng chi phí chênh lệch tỷ giá ngoại tệ : 64.911.164 đồng
- Giảm lợi nhuận do điều chỉnh giảm tiền lãi cho vay : 142.475.000 đồng
- Giảm lợi nhuận do điều chỉnh tăng chi phí phân bổ công cụ dụng cụ : 1.820.558 đồng
- Tăng lợi nhuận do điều chỉnh giảm lợi nhuận chưa thực hiện tại các chi nhánh : 452.268.559 đồng
- Tăng lợi nhuận do điều chỉnh giảm chi phí trích trước tiền thuê kho : 1.261.436 đồng
- Tăng lợi nhuận do giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành : 115.790.812 đồng

Vậy Công ty Cổ Phần Nagakawa Việt Nam kính đề nghị Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội công bố thông tin giải trình trên nhằm giúp các Nhà đầu tư có đầy đủ thông tin về báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp năm 2015 của Công ty.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu TCKT, HCNS

CÔNG TY CP NAGAKAWA VIỆT NAM



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Hòa

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Tài sản ngắn hạn	238.021.844.207	226.023.330.924
1 Tiền và các tài khoản tương đương tiền	6.346.001.817	3.509.109.249
2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	280.099.050	974.385.600
3 Các khoản phải thu ngắn hạn	133.350.725.264	146.771.267.708
4 Hàng tồn kho	96.765.748.416	74.380.496.942
5 Tài sản ngắn hạn khác	1.279.269.660	388.071.425
II. Tài sản dài hạn	36.766.503.923	39.789.231.628
1 Các khoản phải thu dài hạn		
2 Tài sản cố định	22.212.955.977	25.169.088.412
* Tài sản cố định hữu hình	22.212.955.977	25.169.088.412
* Tài sản cố định thuê tài chính		
* Tài sản cố định vô hình		
* Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
4 Bất động sản đầu tư		
5 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13.767.252.826	14.050.855.876
6 Tài sản dài hạn khác	786.295.120	569.287.340
III. TỔNG CỘNG TÀI SẢN	274.788.348.130	265.812.562.552



NGUỒN VỐN

	Số cuối năm	Số đầu năm
IV. Nợ phải trả	113.916.040.232	115.518.621.092
1 Nợ ngắn hạn	113.329.351.332	115.280.435.742
2 Nợ dài hạn	586.688.900	238.185.350
V. Nguồn Vốn chủ sở hữu	160.872.307.898	150.293.941.460
1 Vốn chủ sở hữu	160.872.307.898	150.293.941.460
* Vốn góp của chủ sở hữu	148.495.780.000	148.495.780.000
* Thặng dư vốn cổ phần	5.672.110.000	5.672.110.000
* Vốn khác của chủ sở hữu		
* Cổ phiếu quỹ	(20.000)	(20.000)
* Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
* Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
* Quỹ đầu tư phát triển	3.500.593.946	3.500.593.946
* Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
* Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
* Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.203.843.952	(7.374.522.486)
* Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2 Nguồn kinh phí và quỹ khác		
* Nguồn kinh phí		
* Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI. TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	274.788.348.130	265.812.562.552

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU

	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	324.211.476.146	265.767.708.028
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	950.195.946	1.461.283.601
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	323.261.280.200	264.306.424.427
4 Giá vốn hàng bán	284.940.737.107	228.971.798.071
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.320.543.093	35.334.626.356
6 Doanh thu hoạt động tài chính	1.227.661.422	463.095.625
7 Chi phí tài chính	8.333.126.192	8.378.807.909
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>6.927.639.484</i>	<i>7.943.715.125</i>
8 Chi phí bán hàng	13.696.439.055	3.792.664.764
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.387.119.229	11.979.029.670
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.131.520.039	11.647.219.638
11 Thu nhập khác	8.393.082.935	6.974.765.018
12 Chi phí khác	355.175.806	285.116.080
13 Lợi nhuận khác	8.037.907.129	6.689.648.938
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.169.427.168	18.336.868.576
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.591.060.730	4.039.281.270
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.578.366.438	14.297.587.306
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	13,38	14,86
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	86,62	85,14
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	41,46	43,46
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	58,54	56,54
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,2	1,4
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,1	2,0
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,85	5,38
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,27	5,41
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	6,58	9,51

Kế toán trưởng

[Handwritten signature]

Ngày 29 tháng 03 năm 2016

Tổng giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Khả

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-5
Báo cáo kiểm toán độc lập	6-7
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	8-45
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	8-11
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	12
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	13-14
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	15-44
<i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tiền thân là Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 24/CP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành doanh nghiệp Việt Nam theo quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 ngày 21 tháng 03 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 12 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập và bổ sung ngành nghề kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 2500217389 được phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 08 tháng 01 năm 2015 về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh.

Vốn điều lệ: 148.495.780.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại : 0211 873 568
Fax : 0211 873 569
E-mail : Info@nagakawa.com.vn
Mã số thuế : 2500217389

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam Chi nhánh Hà Nội	Số 10, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại Đà Nẵng	Số 225, Hà Huy Tập, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	64 Lưu Chí Hiếu, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng. Chi tiết: Sản xuất đồ điện dân dụng, điều hòa không khí;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng;

TRÁC
K
NH
ỔNG

- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị y tế; Mua bán dụng cụ y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa (trừ răng giả, kính thuốc);
- Sản xuất thiết bị điện khác. Chi tiết: Sản xuất và mua bán máy móc thiết bị điện, vật liệu điện;
- Khai thác quặng sắt (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định);
- Khai thác và mua bán đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Chi tiết: cho thuê kho bãi; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;
- Mua bán sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất và mua bán các loại vật tư ngành lạnh; Mua bán kim loại và quặng kim loại; Sản xuất hàng may mặc; Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; Mua bán vải, hàng may sẵn, giày dép; Mua bán hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; Mua bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh theo quy định hiện hành của Nhà nước./.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 45).

Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc năm tài chính

Năm 2015 là năm Công ty thực hiện nhiều chính sách quan trọng như nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, khuyến mại, chăm sóc khách hàng và các đại lý bán hàng làm cho chi phí bán hàng của Công ty tăng đáng kể, nhờ đó doanh thu bán hàng của Công ty cũng tăng cao.

Theo báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông năm 2015 nhận định Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam đã đầy đủ các điều kiện để tham gia vào lĩnh vực dệt may. Trong năm 2015 Công ty triển khai mở rộng kinh doanh sang lĩnh vực này. Công ty thực hiện đầu tư vào Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam dưới hình thức cho vay với lãi suất 8%/năm để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam. Tổng số tiền cho vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015: 10.290.000.000 VND. Ngày 25 tháng 3 năm 2016 Công ty đã ký Biên bản thỏa thuận góp vốn, theo đó khoản công nợ mà Công ty cho Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam vay nêu trên sẽ được chuyển thành vốn góp khi hai bên hoàn tất các thủ tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ngoài sự kiện nêu trên, ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Đức Khả	Chủ tịch	
Bà Đào Thị Soi	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Ủy viên	
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015
Bà Trương Đào Hải Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Hải	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên
Bà Chu Thị Hữu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Khả	Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Soi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Khả

Ngày 26 tháng 3 năm 2016



Ngày : 26 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015

Kính gửi : Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2015 từ trang 08 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội 6

Chi nhánh tại Hà Nội:

47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

VIỆT NAM

VIỆT NAM

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNT số: 1690-2014-124-1

Kiểm toán viên

Hồ Xuân Hà

GCNĐKHNT số: 1603-2014-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		238.021.844.207	226.023.330.924
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.346.001.817	3.509.109.249
1. Tiền	111		6.346.001.817	3.509.109.249
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		280.099.050	974.385.600
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	280.099.050	974.385.600
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		133.350.725.264	146.771.267.708
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	80.964.690.247	82.924.829.241
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	10.923.646.562	12.696.596.937
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	14.990.000.000	17.800.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	27.820.744.480	34.331.508.912
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(1.348.356.025)	(981.667.382)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	96.765.748.416	74.380.496.942
1. Hàng tồn kho	141		97.557.977.669	74.380.496.942
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(792.229.253)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.279.269.660	388.071.425
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	1.278.629.842	171.013.765
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		168.501	8.725.758
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		471.317	208.331.902
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.766.503.923	39.789.231.628
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		22.212.955.977	25.169.088.412
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	22.212.955.977	25.169.088.412
<i>Nguyên giá</i>	222		90.065.816.166	88.246.394.975
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(67.852.860.189)	(63.077.306.563)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228	V.11	133.962.600	133.962.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(133.962.600)	(133.962.600)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		13.767.252.826	14.050.855.876
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	9.600.000.000	9.600.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	5.040.000.000	5.040.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.14	(872.747.174)	(869.243.174)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.15	-	280.099.050
VI. Tài sản dài hạn khác	260		786.295.120	569.287.340
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	786.295.120	569.287.340
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		274.788.348.130	265.812.562.552

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		113.916.040.232	115.518.621.092
I. Nợ ngắn hạn	310		113.329.351.332	115.280.435.742
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	17.020.996.811	17.272.357.527
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	2.153.496.720	3.367.200.004
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	11.293.529.514	13.562.432.852
4. Phải trả người lao động	314		1.083.960.903	560.338.992
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	417.111.184	137.810.088
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	197.573.293	100.134.117
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22	79.451.118.961	77.029.492.988
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.23	1.654.040.913	3.193.146.141
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		57.523.033	57.523.033
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		586.688.900	238.185.350
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.24	569.230.000	200.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.25	17.458.900	38.185.350
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

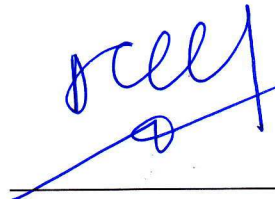
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		160.872.307.898	150.293.941.460
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.26	160.872.307.898	150.293.941.460
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		148.495.780.000	148.495.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		148.495.780.000	148.495.780.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.672.110.000	5.672.110.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000)	(20.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.500.593.946	3.500.593.946
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.203.843.952	(7.374.522.486)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(7.374.522.486)	(21.672.109.792)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.578.366.438	14.297.587.306
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		274.788.348.130	265.812.562.552

Người lập biểu



Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng



Huy Thị Dung

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Khả

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	324.211.476.146	265.767.708.028
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	950.195.946	1.461.283.601
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		323.261.280.200	264.306.424.427
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	284.940.737.107	228.971.798.071
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.320.543.093	35.334.626.356
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.227.661.422	463.095.625
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	8.333.126.192	8.378.807.909
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.927.639.484	7.943.715.125
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	13.696.439.055	3.792.664.764
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	11.387.119.229	11.979.029.670
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.131.520.039	11.647.219.638
11. Thu nhập khác	31	VI.8	8.393.082.935	6.974.765.018
12. Chi phí khác	32	VI.9	355.175.806	285.116.080
13. Lợi nhuận khác	40		8.037.907.129	6.689.648.938
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.169.427.168	18.336.868.576
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	3.591.060.730	4.039.281.270
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>10.578.366.438</u>	<u>14.297.587.306</u>

Người lập biểu

Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Khả

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14.169.427.168	18.336.868.576
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	4.775.553.626	6.957.868.009
- Các khoản dự phòng	03	(397.409.782)	3.495.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	31.395.172	102.730.007
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.226.065.400)	(431.410.144)
- Chi phí lãi vay	06	6.927.639.484	7.943.715.125
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	24.280.540.268	32.913.266.573
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	5.471.476.038	(17.275.791.749)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(23.177.480.727)	7.403.093.605
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.418.361.152)	(15.171.942.153)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.324.623.857)	(496.843.685)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.923.067.044)	(8.017.588.109)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.041.221.183)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.132.737.657)	(645.805.518)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.989.141.010)	(2.722.229.324)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	254.545.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(44.990.000.000)	(19.054.484.650)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	48.774.385.600	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.950.000.000	22.791.875.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.435.112.400	36.271.946
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.180.356.990	1.305.978.426

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	220.240.359.801	216.130.178.604
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(217.449.503.828)	(215.615.766.258)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(189.971.488)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>2.790.855.973</i>	<i>324.440.858</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.838.475.306	984.613.766
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	3.509.109.249	2.524.264.793
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.582.738)	230.690
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	6.346.001.817	3.509.109.249

Người lập biểu

Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Khả

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, thương mại
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
 - Sản xuất, mua bán, lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa không khí.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
5. **Sự kiện quan trọng ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty:**

Năm 2015 là năm Công ty thực hiện nhiều chính sách quan trọng như nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, khuyến mại, chăm sóc khách hàng và các đại lý bán hàng làm cho chi phí bán hàng của Công ty tăng đáng kể, nhờ đó doanh thu bán hàng của Công ty cũng tăng cao.

Theo báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông năm 2015 nhận định Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam đã đầy đủ các điều kiện để tham gia vào lĩnh vực dệt may. Trong năm 2015 Công ty triển khai mở rộng kinh doanh sang lĩnh vực này. Công ty thực hiện đầu tư vào Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam dưới hình thức cho vay với lãi suất 8%/năm để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam. Tổng số tiền cho vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015: 10.290.000.000 VND. Ngày 25 tháng 3 năm 2016 Công ty đã ký Biên bản thỏa thuận góp vốn, theo đó khoản công nợ mà Công ty cho Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam vay nêu trên sẽ được chuyển thành vốn góp khi hai bên hoàn tất các thủ tục.

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập:

Bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam Chi nhánh Hà Nội	Số 10, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại Đà Nẵng	Số 225, Hà Huy Tập, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	64 Lưu Chí Hiếu, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

Dự phòng phải trả của Công ty là các khoản dự phòng bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 1% trên doanh thu thuần đối với sản phẩm là điều hòa nhiệt độ và 0,5% trên doanh thu thuần đối với hàng gia dụng và được thực hiện vào cuối năm tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi của khoản mục tài sản có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 : 22.480 VND/USD

Tỷ giá sử dụng để quy đổi của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 : 22.540 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng là 22%.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

32 / 32
TY
HỮU
DÁI
VII
P

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	954.398.493	824.309.530
Tiền gửi ngân hàng	5.391.603.324	2.684.799.719
Cộng	<u>6.346.001.817</u>	<u>3.509.109.249</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	32.249.466.275	37.987.507.384
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	15.671.136.602	23.075.960.810
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ Thuật Nagakawa	16.578.329.673	14.911.546.574
Phải thu các khách hàng khác (*)	48.715.223.972	44.937.321.857
Công ty Cổ phần cơ điện lạnh kỹ thuật cao Gia Bình	19.635.541.582	24.076.095.927
Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng và Thương mại Tân Việt Hưng	5.872.009.400	-
Các đối tượng khác	23.207.672.990	20.861.225.930
Cộng	<u>80.964.690.247</u>	<u>82.924.829.241</u>

(*) Trong đó các khoản phải thu khách hàng được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	250.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ Thuật Nagakawa	-	250.000.000
Trả trước cho người bán khác (**)	10.923.646.562	12.446.596.937
Công ty TNHH phát triển dịch vụ và công nghệ CPU	-	2.892.912.000
Công ty Cổ phần Điện Gia Dụng Nagakawa	1.300.951.400	1.537.876.400
Công ty Cổ phần cơ điện lạnh kỹ thuật cao Gia Bình	1.050.000.000	1.891.952.400
Công ty Cổ phần cơ điện lạnh Hoàn Kiếm	1.224.076.704	1.324.076.704
Công ty TNHH Xây dựng Tuấn Hằng	1.581.707.000	3.279.400.000
Công ty Cổ phần Đông Thụy Anh	1.178.228.950	-
Công ty Cổ phần thép 134 Hà Nội	1.167.980.535	-
Đối tượng khác	3.420.701.973	1.520.379.433
Cộng	<u>10.923.646.562</u>	<u>12.696.596.937</u>

(**) Trong đó các khoản trả trước cho người bán được trích lập dự phòng xem phụ lục 01.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	14.990.000.000	17.800.000.000
Cho bà Đào Thị Hoa vay với lãi suất 01%/tháng	-	7.500.000.000
Cho bà Phạm Thị Lan Anh vay với lãi suất 09%/năm	2.700.000.000	4.500.000.000
Cho Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam vay với lãi suất 8%/năm	10.290.000.000	-
Cho bà Vũ Thị Bích Hồng vay với lãi suất 01%/tháng	-	5.800.000.000
Cho bà Đỗ Thị Thuận vay với lãi suất 09%/năm	2.000.000.000	-
Cộng	14.990.000.000	17.800.000.000

6. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	17.811.000.000	-	23.536.000.000	-
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	9.050.000.000	-	14.000.000.000	-
Ông Nguyễn Đức Khả - Tạm ứng hoạt động đầu tư	8.761.000.000	-	9.536.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	10.009.744.480	-	10.795.508.912	-
Ký cược, ký quỹ	765.977.713	-	376.673.099	-
Tạm ứng khác	9.046.613.767	-	9.994.635.689	-
Lãi vay phải thu	197.153.000	-	406.200.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-	18.000.124	-
Cộng	27.820.744.480	-	34.331.508.912	-

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong năm:

	<u>Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn</u>	<u>Nợ phải thu, cho vay dài hạn</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	(981.667.382)	-	(981.667.382)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.348.356.025)	-	(1.348.356.025)
Sử dụng dự phòng xóa nợ phải thu khách hàng	981.667.382	-	981.667.382
Số cuối năm	(1.348.356.025)	-	(1.348.356.025)

Nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục số 01

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng (*)	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	36.346.724.102	348.820.586	20.608.401.464	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.799.184.788	-	3.372.919.591	-
Thành phẩm	23.085.038.505	257.313.720	8.788.578.370	-
Hàng hóa	36.327.030.274	186.094.947	41.610.597.517	-
Cộng	97.557.977.669	792.229.253	74.380.496.942	-

(*) Hàng tồn kho trích lập dự phòng trong năm là những mặt hàng ứ đọng lâu ngày, mẫu mã cũ không phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng và khó có khả năng tiêu thụ, Công ty có kế hoạch thanh lý những mặt hàng này trong năm 2016.

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	688.541.819	5.000.000
Chi phí CCDC xuất dùng	65.023.530	1.704.545
Chi phí bảo hiểm tài sản	39.014.610	29.950.591
Chi phí in lịch	-	62.195.833
Chi phí sửa chữa xe ô tô	100.838.540	61.104.765
Chi phí làm biển quảng cáo	368.283.009	-
Chi phí trả trước khác	16.928.334	11.058.031
Cộng	1.278.629.842	171.013.765

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	24.098.610.773	60.003.262.562	3.944.335.723	156.607.280	43.578.637	88.246.394.975
Tăng do mua sắm	-	-	1.309.632.091	-	-	1.309.632.091
XDCB hoàn thành	509.789.100	-	-	-	-	509.789.100
Số cuối năm	24.608.399.873	60.003.262.562	5.253.967.814	156.607.280	43.578.637	90.065.816.166
<i>Trong đó:</i>						
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	1.295.250.622	32.156.990.862	2.242.730.239	156.607.280	43.578.637	35.895.157.640
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	11.372.656.262	48.247.318.269	3.257.146.115	156.607.280	43.578.637	63.077.306.563
Tăng do trích khấu hao	1.185.103.759	3.331.058.716	259.391.151	-	-	4.775.553.626
Số cuối năm	12.557.760.021	51.578.376.985	3.516.537.266	156.607.280	43.578.637	67.852.860.189
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	12.725.954.511	11.755.944.293	687.189.608	-	-	25.169.088.412
Số cuối năm	12.050.639.852	8.424.885.577	1.737.430.548	-	-	22.212.955.977

Một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 36.227.081.049 VND và 7.519.260.868 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long.

Tài sản xe ô tô Kia Sorento có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 988.956.364 VND và 879.072.323 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính có nguyên giá 133.962.600 VND, thời gian khấu hao 03 năm, đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

12. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa	960.000	9.600.000.000	960.000	9.600.000.000
Cộng		9.600.000.000		9.600.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa số tiền 9.600.000.000 VND, tương đương 80% vốn điều lệ. Hiện tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa đang hoạt động bình thường trong lĩnh vực lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điều hòa không khí.

13. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa	504.000	5.040.000.000	504.000	5.040.000.000
Cộng		5.040.000.000		5.040.000.000

Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa với tỷ lệ cổ phần sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 28%. Hiện tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa đang trong giai đoạn đầu tư thực hiện các dự án.

14. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa	(872.747.174)	(869.243.174)
Cộng	(872.747.174)	(869.243.174)

15. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số đầu năm là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng, trong năm căn cứ theo thời gian đáo hạn còn lại Công ty đã phân loại lại là khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	224.957.627	61.313.642
Chi phí sửa chữa ô tô	79.715.133	24.275.422
Chi phí thiết kế, thi công hạng mục nội thất, nhà xưởng	3.352.090	10.056.273
Chi phí làm biển quảng cáo	37.167.281	95.320.531
Chi phí cải tạo sửa chữa nhà máy	268.986.322	361.156.623
Chi phí thử nghiệm hiệu suất năng lượng cho điều hòa và tủ đông	172.116.667	-
Chi phí trả trước khác	-	17.164.849
Cộng	786.295.120	569.287.340

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**17. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	28.761.600	133.661.864
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ Thuật Nagakawa	28.761.600	133.661.864
<i>Phải trả các nhà cung cấp</i>	16.992.235.211	17.138.695.663
Guangdong CHIGO AIR conditioning Co.,LTD	2.299.808.944	2.572.043.168
TCL Air Conditioner (Zhongshan) Co., LTD.	6.431.669.763	1.819.372.458
Công ty TNHH SX TM&DV Hoàng Điệp	-	5.353.909.301
Công ty cổ phần thép 134 Hà Nội	-	4.327.887.889
Công ty TNHH Thương Mại Và Tư Vấn Kỹ thuật Cao	5.696.242.141	326.903.273
Phải trả cho các đối tượng khác	2.564.514.363	2.738.579.574
Cộng	<u>17.020.996.811</u>	<u>17.272.357.527</u>

18. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn Phòng Tỉnh Ủy Tuyên Quang	-	704.135.966
Ngân hàng NN&PTNT - CN Buôn Hồ	-	2.350.433.638
Công ty cổ phần công nghệ liên kết Truyền thông	192.473.820	-
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Công Nghệ và Kỹ Thuật Điện Đại Dương	-	312.200.000
Doanh nghiệp tư nhân Việt Tuấn	127.281.900	-
Đại lý Thanh Long	1.642.500.000	-
Công ty TNHH Phát Triển Kỹ Thuật KTĐ	191.241.000	-
Các đối tượng khác	-	430.400
Cộng	<u>2.153.496.720</u>	<u>3.367.200.004</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.147.225.366	-	3.592.515.671	6.011.101.929	2.728.639.108	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt - hàng nhập khẩu	-	94.623.310	3.006.598.482	2.911.975.172	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt - hàng sản xuất	3.406.313.600	-	5.378.427.026	3.493.281.000	5.291.459.626	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	113.708.592	4.477.024.788	4.363.787.513	-	471.317
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.715.109.508	-	3.591.060.730	5.041.221.183	3.264.949.055	-
Thuế thu nhập cá nhân	16.073.211	-	27.049.968	34.641.454	8.481.725	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	277.711.167	-	471.175.774	748.886.941	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	47.052.600	47.052.600	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	280.050.995	280.050.995	-	-
	13.562.432.852	208.331.902	20.876.956.034	22.937.998.787	11.293.529.514	471.317

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng là 22%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	103.081.619	98.509.179
Chi phí thuê kho phải trả	71.986.365	39.300.909
Chi phí vật tư lắp đặt công trình Học viện quốc phòng	242.043.200	-
Cộng	417.111.184	137.810.088

21. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
BHXH, BHYT	49.069.240	97.153.935
Bảo hiểm thất nghiệp	3.696.744	1.955.058
Chiết khấu thương mại tạm tính (Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch Vụ Hồng Lợi Nam)	139.222.725	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.584.584	1.025.124
Cộng	197.573.293	100.134.117

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	79.246.158.961	79.246.158.961	76.954.492.988	76.954.492.988
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam- Chi nhánh Thăng Long (a)	77.446.467.261	77.446.467.261	75.464.164.588	75.464.164.588
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phúc Yên (b)	1.799.691.700	1.799.691.700	1.490.328.400	1.490.328.400
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.33b)	204.960.000	204.960.000	75.000.000	75.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	75.000.000	75.000.000	75.000.000	75.000.000
Ngân hàng TMCP Vietinbank – Chi nhánh Bắc Thăng Long	129.960.000	129.960.000	-	-
Cộng	79.451.118.961	79.451.118.961	77.029.492.988	77.029.492.988

(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 14/2015/HMTD/PVBTL-Nagakawa ký ngày 19/06/2015, tổng hạn mức tín dụng tại mọi thời điểm không vượt quá 140 tỷ đồng. Trong đó dư nợ cho vay, phát hành LC và bảo lãnh thanh toán tối đa là 100 tỷ đồng, số tiền cấp bảo lãnh tối đa là 40 tỷ đồng, hạn mức tín dụng trên bao gồm toàn bộ dư nợ Hợp đồng hạn mức tín dụng số 02/2014/HMTD/PVBTL-Nagakawa ngày 31/10/2014. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 05/06/2015, thời hạn cho vay tối đa 06 tháng, lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong mỗi khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả hết vào ngày kết thúc thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ và lãi vay được trả định kỳ vào ngày 26 hàng tháng. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Bất động sản tại số nhà 112 ngõ 115/206 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội thuộc quyền sở hữu của Bà Đào Thị Soi và Ông Nguyễn Đức Khả theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 10111071095.

+ Bất động sản tại số 05, ngách 105, ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, TP Hà Nội, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010913519700112.

+ Bất động sản tại số 106 ngõ 155/206 đường Trường Chinh phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội thuộc quyền sở hữu của bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 10111071019.

+ Bất động sản tại thửa đất số 72.1, tờ bản đồ số 14, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội thuộc sở hữu của bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI272273.

+ Bất động sản tại thửa đất số 13, tờ bản đồ 27, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đình Tấn và bà Đào Thị Hoa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 750752.

+ Hệ thống máy móc thiết bị, điều hòa, tủ đông thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam Chi tiết về tài sản đảm bảo được thể hiện tại hợp đồng thế chấp số 07/2014/HĐTC/PVBTL-Nagakawa ký ngày 31/10/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

+ Cổ phiếu do Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam phát hành thuộc sở hữu của Công ty TNHH PTKT Quốc tế Anh Vũ thể hiện trên hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết số 08/2014/HĐCC/PVBTL-AnhVu ký ngày 31/10/2014.

+ Cổ phiếu do Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam phát hành thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Khả thể hiện trên hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết số 10/2014/HĐCC/PVBTL-ONGKHA ký ngày 31/10/2014.

+ Hàng tồn kho thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam, chi tiết về các mặt hàng được thể hiện trên hợp đồng thế chấp hàng hóa số 12/2014/HĐTC/PVBTL-NAGAKAWA ký ngày 31/10/2014.

(b) Là khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phúc Yên theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 2890LAV201402733 ngày 30 tháng 12 năm 2014 với tổng mức cấp tín dụng tối đa là 1,8 tỷ, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay nhằm thanh toán tiền mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất máy điều hòa. Gốc vay và lãi suất vay được quy định trong từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, tiền lãi vay được trả định kỳ 03 tháng/lần. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	76.954.492.988	219.590.359.801	-	217.298.693.828	79.246.158.961
Vay dài hạn đến hạn trả	75.000.000	-	269.940.000	139.980.000	204.960.000
Cộng	77.029.492.988	219.590.359.801	269.940.000	217.438.673.828	79.451.118.961

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là dự phòng phải trả ngắn hạn cho hoạt động bảo hành sản phẩm tiêu thụ và bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh trong năm của khoản dự phòng phải trả ngắn hạn như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	3.193.146.141
Tăng do trích lập	1.639.215.220
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	20.726.450
Số sử dụng	(1.115.694.057)
Số hoàn nhập	(2.083.352.841)
Số cuối năm	1.654.040.913

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

24. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	569.230.000	569.230.000	200.000.000	200.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (a)	125.000.000	125.000.000	200.000.000	200.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Bắc Thăng Long (b)	444.230.000	444.230.000	-	-
Cộng	569.230.000	569.230.000	200.000.000	200.000.000

(a) Là khoản vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo hợp đồng cấp tín dụng số THK2014/03-HĐTĐ ngày 19 tháng 8 năm 2014, tổng số tiền vay là 300 triệu đồng, mục đích vay là mua xe ô tô. Thời hạn vay 04 năm kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2014 với lãi suất là 7,99%/năm trong vòng 03 tháng đầu, từ tháng thứ 04 lãi vay bằng lãi vay quy định của ngân hàng cộng với tỷ lệ biến động là 3,68%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc và lãi vay được trả định kỳ hàng tháng kể từ ngày giải ngân.

(b) Là khoản vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thăng Long theo hợp đồng tín dụng số 59/2015-HĐTĐĐA/NHCT145-PGDBH-Nagakawa ký ngày 11/05/2015, mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô Kia Sorento, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 8,5%/năm và được điều chỉnh 01 tháng/lần. Gốc và lãi được trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng và bắt đầu từ ngày 25/06/2015. Hợp đồng vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp động sản số 58/2015/HĐTC-NHCT145-PGDBH ký ngày 11/05/2015, tài sản thế chấp là xe ô tô Kia Sorento được định giá giá trị một tỷ đồng.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	204.960.000	75.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	569.230.000	200.000.000
Trên 5 năm	-	-
Cộng	774.190.000	275.000.000

Chi tiết phát sinh khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	200.000.000
Số tiền vay phát sinh	650.000.000
Số tiền vay đã trả	(10.830.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(269.940.000)
Số cuối năm	569.230.000

25. Dự phòng phải trả dài hạn

Là dự phòng phải trả dài hạn cho hoạt động bảo hành công trình xây lắp.

	Năm nay
Số đầu năm	38.185.350
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	(20.726.450)
Số cuối năm	17.458.900

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**26. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	(21.672.109.792)	135.996.354.154
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	14.297.587.306	14.297.587.306
Số dư cuối năm trước	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	(7.374.522.486)	150.293.941.460
Số dư đầu năm nay	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	3.500.593.946	-	(7.374.522.486)	150.293.941.460
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	10.578.366.438	10.578.366.438
Số dư cuối năm nay	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	3.500.593.946	-	3.203.843.952	160.872.307.898

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	148.495.780.000	148.495.780.000
Thặng dư vốn cổ phần	5.672.110.000	5.672.110.000
Cổ phiếu quỹ	(20.000)	(20.000)
Cộng	154.167.870.000	154.167.870.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.849.578	14.849.578
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.849.578	14.849.578
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.849.578	14.849.578
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2)	(2)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.849.576	14.849.576
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.849.576	14.849.576

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**27. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán****A, Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	668,45	547,42

B, Nợ khó đòi đã xử lý

<u>Đối tượng</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Tòa soạn báo Tiền Phong	47.723.000		Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Thuận An	525.607.000		Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Doanh nghiệp tư nhân Phú Tài	283.250.000		Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Cửa hàng Nhật Anh	125.087.382		Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Zhe Jiang Phidas Electric Appliance Manu	104.612.027	104.612.027	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Trảng An	30.000.000	30.000.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Cộng	<u>1.116.279.409</u>	<u>134.612.027</u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a, Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	319.245.475.701	212.275.478.974
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.966.000.445	53.492.229.054
Tổng doanh thu	<u>324.211.476.146</u>	<u>265.767.708.028</u>

1b, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	74.116.777.226	48.092.904.396
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ Thuật Nagakawa	47.608.581.523	57.487.801.971
Cộng	<u>121.725.358.749</u>	<u>105.580.706.367</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	342.424.546	1.315.891.601
Giảm giá hàng bán	-	1.800.000
Chiết khấu thương mại	607.771.400	143.592.000
Cộng	<u>950.195.946</u>	<u>1.461.283.601</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	280.831.053.995	188.566.882.579
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.317.453.859	40.404.915.492
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	792.229.253	-
Cộng	<u>284.940.737.107</u>	<u>228.971.798.071</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	355.911.026	27.017.626
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	56.099.141	9.254.320
Lãi tiền cho vay	814.055.233	406.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.596.022	20.623.679
Cộng	<u>1.227.661.422</u>	<u>463.095.625</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	6.927.639.484	7.943.715.125
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.370.587.536	328.867.777
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	31.395.172	102.730.007
Dự phòng tổn thất đầu tư	3.504.000	3.495.000
Cộng	<u>8.333.126.192</u>	<u>8.378.807.909</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.697.805.572	1.095.372.471
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	45.742.789	62.930.547
Chi phí khấu hao tài sản cố định	180.934.333	433.106.772
Chi phí chi trả các trạm bảo hành	2.409.400.195	591.478.766
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.511.651.508	765.137.145
Các chi phí khác	3.850.904.658	844.639.063
Cộng	<u>13.696.439.055</u>	<u>3.792.664.764</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.703.368.380	3.648.006.644
Chi phí vật liệu quản lý	47.136.955	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	163.398.908	540.463.810
Chi phí khấu hao tài sản cố định	635.647.081	1.219.181.046
Thuế, phí và lệ phí	553.439.985	7.158.478
Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi	1.348.356.025	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.850.852.601	5.644.325.906
Các chi phí khác	2.084.919.294	919.893.786
Cộng	<u>11.387.119.229</u>	<u>11.979.029.670</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**8. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	254.545.454
Thu cho thuê kho, văn phòng	6.303.272.713	6.089.999.994
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	2.083.352.841	596.784.032
Thu nhập khác	6.457.381	33.435.538
Cộng	<u>8.393.082.935</u>	<u>6.974.765.018</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng thanh lý	-	265.607.256
Phạt vi phạm dán nhãn hàng hóa	-	1.500.000
Tiền phạt thuế theo biên bản thanh tra thuế	286.644.054	-
Các khoản truy thu phạt khác	5.907.928	11.976.110
Phạt vi phạm hành chính chi nhánh Hồ Chí Minh	56.449.999	6.024.721
Chi phí khác	6.173.825	7.993
Cộng	<u>355.175.806</u>	<u>285.116.080</u>

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.169.427.168	18.336.868.576
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	671.250.354	23.500.831
- Tiền phạt truy thu thuế theo biên bản thanh tra thuế (*)	1.808.807.687	23.500.831
- Tiền phạt tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	376.685.776	-
- Tiền phạt tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	56.449.999	-
- Các khoản phạt, truy thu thuế khác	5.907.928	18.000.831
- Thù lao Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành	15.727.250	-
- Trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn	1.348.356.025	-
- Chi phí ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa, chi phí không hợp lệ khác	5.680.709	5.500.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.137.557.333)	-
- Lãi công trình Buôn Hồ (**)	(1.137.557.333)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	<u>14.840.677.522</u>	<u>18.360.369.407</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	3.264.949.055	4.039.281.270
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	326.111.675	-
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>3.591.060.730</u>	<u>4.039.281.270</u>

(*) Trong đó: truy thu thuế tiêu thụ đặc biệt 90.041.722 VND được phản ánh giảm trừ doanh thu trong năm, truy thu thuế giá trị gia tăng 6.593.059 VND và số tiền phạt 280.050.995 trình bày ở thuyết minh VI.9 – Chi phí khác.

(**) Công trình Buôn Hồ đã được ghi doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 theo biên bản kiểm tra của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	62.680.078.093	1.738.859.235
Chi phí nhân công	6.961.182.740	4.876.217.883
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.775.553.626	6.957.868.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.463.781.287	6.409.463.051
Chi phí trạm bảo hành	2.409.400.195	591.478.766
Chi phí dự phòng	1.348.356.025	-
Chi phí bằng tiền khác	6.591.367.562	1.771.691.327
Cộng	<u>92.229.719.528</u>	<u>22.345.578.271</u>

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 yêu cầu đối với công ty mẹ là công ty cổ phần, chỉ tiêu này chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Các thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Thu tiền tạm ứng đầu tư	775.000.000	1.574.000.000
Tạm ứng công tác	-	32.366.140
Hoàn tạm ứng	-	117.276.130
Thu thanh lý tài sản cố định	-	250.000.000
Đặt cọc tiền mua đất	13.000.000.000	
Thu lại khoản đặt cọc mua đất	13.000.000.000	
<i>Cá nhân không còn là thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Thu tiền tạm ứng đầu tư	780.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải thu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thành viên hội đồng quản trị	8.761.000.000	9.536.000.000
Cá nhân không còn là thành viên HĐQT	8.948.020.140	9.728.020.140
Cộng nợ phải thu	<u>17.709.020.140</u>	<u>19.264.020.140</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	664.398.773	612.821.819

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển kỹ thuật Nagakawa
Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển hạ tầng Nagakawa

Mối quan hệ

Cổ đông chính
Công ty con
Công ty liên kết

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ		
Phải thu tiền bán hàng	81.528.454.952	52.902.194.841
+ Giá trị chưa thuế	74.116.777.226	48.092.904.396
+ Thuế GTGT đầu ra	7.411.677.726	4.809.290.445
Phải thu tiền cho thuê kho	216.000.000	198.000.000
+ Giá trị chưa thuế	196.363.632	179.999.998
+ Thuế GTGT đầu ra	19.636.368	18.000.002
Mua hàng hóa	147.000.000	1.050.610.000
+ Giá trị chưa thuế	133.636.363	955.100.000
+ Thuế GTGT đầu ra	13.363.637	95.510.000
Trả tiền hàng	147.000.000	1.050.610.000
Thu tiền bán hàng	88.987.279.160	49.978.000.000
Thu lại tiền hợp tác đầu tư	4.950.000.000	22.791.875.000
Thu tiền cho thuê kho	162.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển kỹ thuật Nagakawa		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	52.369.439.683	63.236.582.214
+ Giá trị chưa thuế	47.608.581.523	57.487.801.971
+ Thuế GTGT đầu ra	4.760.858.160	5.748.780.243
Phải thu tiền cho thuê văn phòng	201.600.000	-
+ Giá trị chưa thuế	183.272.725	-
+ Thuế GTGT đầu ra	18.327.275	-
Thu tiền bán hàng	48.152.335.984	63.459.677.336
Trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	1.620.734.864	1.225.000.000
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	4.517.755.200	3.494.461.947
+ Giá trị chưa thuế	4.107.050.177	3.176.783.588
+ Thuế GTGT đầu vào	410.705.023	317.678.359
Trả trước tiền hàng cho IDT	-	250.000.000
Bù trừ Công nợ	2.751.920.600	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải thu của Công ty với với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	24.721.136.602	37.075.960.810
Phải thu tiền bán hàng, cho thuê kho	15.671.136.602	23.075.960.810
Phải thu do thanh lý Hợp đồng Hợp tác đầu tư	9.050.000.000	14.000.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển kỹ thuật Nagakawa	16.578.329.673	15.161.546.574
Phải thu tiền bán hàng, cho thuê văn phòng	16.578.329.673	14.911.546.574
Ứng trước tiền hàng	-	250.000.000
Cộng nợ phải thu	<u>41.299.466.275</u>	<u>52.237.507.384</u>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải trả của Công ty với với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển kỹ thuật Nagakawa	28.761.600	133.661.864
Phải trả tiền mua hàng hóa dịch vụ	28.761.600	133.661.864
Cộng nợ phải trả	<u>28.761.600</u>	<u>133.661.864</u>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc, khu vực Miền Trung và khu vực Miền Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	270.731.445.798	20.138.691.642	32.391.142.760	-	323.261.280.200
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	144.172.817.163	-	-	(144.172.817.163)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	414.904.262.961	20.138.691.642	32.391.142.760	(144.172.817.163)	323.261.280.200
Chi phí bộ phận	384.979.693.706	16.281.460.146	26.714.685.303	(143.035.102.048)	284.940.737.107
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	29.924.569.255	3.857.231.496	5.676.457.457	(1.137.715.115)	38.320.543.093
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(25.083.558.284)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					13.236.984.809
Doanh thu hoạt động tài chính					1.227.661.422
Chi phí tài chính					(8.333.126.192)
Thu nhập khác					8.393.082.935
Chi phí khác					(355.175.806)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(3.591.060.730)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					10.578.366.438
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.491.458.601	-	6.272.727	-	2.497.731.328
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.107.470.035	78.456.818	50.929.130	-	5.236.855.983

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	<u>Khu vực Miền Bắc</u>	<u>Khu vực Miền Trung</u>	<u>Khu vực Miền Nam</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	322.819.702.821	7.684.235.817	11.687.386.848	(67.402.977.356)	274.788.348.130
Tổng tài sản					274.788.348.130
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	159.430.644.106	7.682.974.381	11.687.386.848	(64.884.965.103)	113.916.040.232
Tổng nợ phải trả					113.916.040.232
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	293.284.570.999	4.498.679.062	11.900.990.641	(43.871.678.150)	265.812.562.552
Tổng tài sản					265.812.562.552
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	141.610.332.401	4.498.679.062	11.900.990.641	(42.491.381.012)	115.518.621.092
Tổng nợ phải trả					115.518.621.092

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.346.001.817	3.509.109.249	6.346.001.817	3.509.109.249
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	280.099.050	1.254.484.650	280.099.050	1.254.484.650
Phải thu khách hàng	80.964.690.247	81.943.161.859	80.964.690.247	81.943.161.859
Các khoản cho vay	14.990.000.000	17.800.000.000	14.990.000.000	17.800.000.000
Các khoản phải thu khác	27.820.744.480	34.331.508.912	27.820.744.480	34.331.508.912
Cộng	130.401.535.594	138.838.264.670	130.401.535.594	138.838.264.670
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	80.020.348.961	77.229.492.988	80.020.348.961	77.229.492.988
Phải trả người bán	17.020.996.811	17.272.357.527	17.020.996.811	17.272.357.527
Các khoản phải trả khác	3.370.145.193	4.029.614.688	3.370.145.193	4.029.614.688
Cộng	100.411.490.965	98.531.465.203	100.411.490.965	98.531.465.203

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	79.451.118.961	569.230.000	-	80.020.348.961
Phải trả người bán	17.020.996.811	-	-	17.020.996.811
Các khoản phải trả khác	3.352.686.293	17.458.900	-	3.370.145.193
Cộng	99.824.802.065	586.688.900	-	100.411.490.965
Số đầu năm				
Vay và nợ	77.029.492.988	200.000.000	-	77.229.492.988
Phải trả người bán	17.272.357.527	-	-	17.272.357.527
Các khoản phải trả khác	3.991.429.338	38.185.350	-	4.029.614.688
Cộng	98.293.279.853	238.185.350	-	98.531.465.203

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông năm 2015 nhận định Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam đã đầy đủ các điều kiện để tham gia vào lĩnh vực dệt may. Trong năm 2015 Công ty triển khai mở rộng kinh doanh sang lĩnh vực này. Công ty thực hiện đầu tư vào Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam dưới hình thức cho vay với lãi suất 8%/năm để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam. Tổng số tiền cho vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015: 10.290.000.000 VND. Ngày 25 tháng 3 năm 2016 Công ty đã ký Biên bản thỏa thuận góp vốn, theo đó khoản công nợ mà Công ty cho Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam vay nêu trên sẽ được chuyển thành vốn góp khi hai bên hoàn tất các thủ tục.

8. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3-11
TY
ĐƯU
ĐÁN
VIỆ
P

4
5
6
7
8
9
10
11
12

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới, thay đổi trong chính sách kế toán đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán tổng hợp				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	121	1.254.484.650	(280.099.050)	974.385.600
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	17.800.000.000	17.800.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	32.224.200.124	2.107.308.788	34.331.508.912
Tài sản ngắn hạn khác	155	19.907.308.788	(19.907.308.788)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	280.099.050	280.099.050
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	3.193.146.141	3.193.146.141
Dự phòng phải trả dài hạn	342	3.231.331.491	(3.193.146.141)	38.185.350
Quỹ đầu tư phát triển	418	2.955.874.625	544.719.321	3.500.593.946
Quỹ dự phòng tài chính		544.719.321	(544.719.321)	-
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	265.779.577.839	(11.869.811)	265.767.708.028
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	1.473.153.412	(11.869.811)	1.461.283.601
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp				
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	61.586.981.709	(61.586.981.709)	-
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(17.396.894.959)	121.103.210	(17.275.791.749)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(61.465.878.499)	61.465.878.499	-

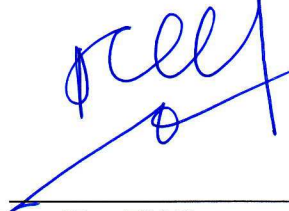
Lập ngày 26 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng



Huy Thị Dung

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Khả

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu khách hàng ngắn hạn						
Tòa soạn báo Tiền Phong	Đã xóa nợ		-	Không thể thu hồi	47.723.000	47.723.000
Công ty Thuận An	Đã xóa nợ	-	-	Không thể thu hồi	525.607.000	525.607.000
Doanh nghiệp tư nhân Phú Tài	Đã xóa nợ	-	-	Không thể thu hồi	283.250.000	283.250.000
Cửa hàng Nhật Anh	Đã xóa nợ			Không thể thu hồi	125.087.382	125.087.382
Trả trước cho người bán ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Kiến trúc Văn Hóa Việt	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	154.815.000		154.815.000	-
Công ty Cổ phần công nghệ nhiệt lạnh Bách Khoa	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	506.373.900		506.373.900	-
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Tự Động Hóa Vitech	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	56.700.000		56.700.000	-
Guangdong Sky bright Group Co.,ltd	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699	156.765.699		156.765.699	-
ZHEJIANG BINGFENG COMPRESSOR CO.,LTD	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887	377.031.887		377.031.887	-
Kelon International Inc	Khó có khả năng thu hồi	96.669.539	96.669.539		96.669.539	-
Cộng		1.348.356.025	1.348.356.025		2.330.023.407	981.667.382